

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-5-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Hoa Vinh;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Giàu – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1997; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 7, ấp Tân Đ, xã Tân T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: Tổ 7, ấp X, xã Tr, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trịnh Hoài P, sinh năm 1991; cư trú tại: Tổ 7, ấp Tân Đ, xã Tân T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 02 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh P sống chung với nhau từ năm 2013, nhưng đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống với gia đình của anh P ở tại ấp Tân Đ, xã Tân T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Nguyên nhân xin ly hôn là do vợ chồng thường xuyên gây gổ, bất đồng ý kiến với nhau xoay quanh những vấn đề sinh hoạt chung giữa các thành viên trong gia đình. Đến năm 2016, vợ chồng thuê nhà trọ sinh sống tại ấp Tân H, xã Tân T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh nhưng vẫn không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ tháng 06-2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh P không đến thăm nom con chung và tình cảm vợ chồng cũng không hàn

gắn được. Nay chị và anh P không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, nên yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trịnh Thị Yến V, sinh ngày 23-4-2014 và Trịnh Ngọc Thảo M, sinh ngày 17-5-2020. Hiện tại 02 cháu đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 cháu và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 4 năm 2022, bị đơn anh Trịnh Hoài P trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Lê Thị Mỹ H về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn là đúng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không xảy ra bất kỳ mâu thuẫn gì lớn, chỉ thỉnh thoảng gây gổ, cãi nhau những chuyện lặt vặt trong gia đình. Nguyên nhân chị H yêu cầu ly hôn là do chị H không chung thủy nhưng anh không có chứng cứ chứng minh việc chị H ngoại tình. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 05-2021 đến nay, chị H bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống, hôn nhân không hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về con chung. Anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Trịnh Hoài P vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; **khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14** ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Lê Thị Mỹ H và anh Trịnh Hoài P.

Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Trịnh Thị Yến V, sinh ngày 23-4-2014 và Trịnh Ngọc Thảo M, sinh ngày 17-5-2020 cho chị Lê Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Lê Thị Mỹ H không yêu cầu anh Trịnh Hoài P **cấp dưỡng** nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Lê Thị Mỹ H và anh Trịnh Hoài P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Trịnh Hoài P là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh P.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Trịnh Hoài P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn ngày 23-10-2014 theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H thấy rằng: Chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh P do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng ý kiến với nhau liên quan đến những vấn đề sinh hoạt chung giữa các thành viên trong gia đình, nên chị đã về nhà mẹ ruột tại ấp X, xã Tr, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh sinh sống từ tháng 06-2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P. Quá trình giải quyết vụ án, anh P cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với chị H. Xét thấy sự thuận tình ly hôn của chị H và anh P không trái đạo đức, không trái pháp luật và hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Mỹ H và anh Trịnh Hoài P.

[3] Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Trịnh Hoài P có 02 con chung tên Trịnh Thị Yến V, sinh ngày 23-4-2014 và Trịnh Ngọc Thảo M, sinh ngày 17-5-2020, hiện đang sống với chị H. Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh P tự thỏa thuận giao 02 con chung tên Trịnh Thị Yến V và Trịnh Ngọc Thảo M cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh P không **cấp dưỡng nuôi con**. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa chị H và anh P là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Trịnh Hoài P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ H phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Lê Thị Mỹ H và anh Trịnh Hoài P.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Trịnh Thị Yến V, sinh ngày 23-4-2014 và Trịnh Ngọc Thảo M, sinh ngày 17-5-2020 cho chị Lê Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Lê Thị Mỹ H không yêu cầu anh Trịnh Hoài P **cấp dưỡng** nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Trịnh Hoài P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị Lê Thị Mỹ H và anh Trịnh Hoài P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỹ H phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007093 ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Trịnh Hoài P vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã Tân T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Kim Quyên

